

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 472/QĐ-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 15 tháng 2 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2018
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4586/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2017 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; kinh phí chuyển nguồn và dự toán ngân sách được UBND tỉnh giao bổ sung tại các Quyết định: số 322/QĐ-UBND ngày 29/01/2018; số 415/QĐ-UBND ngày 5/2/2018; số 498/QĐ-UBND ngày 08/02/2018; số 705/QĐ-UBND ngày 9/3/2018; số 962/QĐ-UBND ngày 28/3/2018; số 1086/QĐ-UBND ngày 5/4/2018; số 1108/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; số 1437 ngày 3/5/2018; số:1527/QĐ-UBND ngày 10/5/2018; số:1775/QĐ-UBND ngày 31/5/2018; số:1875/QĐ-UBND ngày 7/6/2018; số:1585/QĐ-UBND ngày 16/5/2018; số 2144/QĐ-UBND ngày 29/6/2018; số:2500/QĐ-UBND ngày 30/7/2018; số:3272/QĐ-UBND ngày 3/10/2018; số:4363/QĐ-UBND ngày 14/12/2018; số:4482/QĐ-UBND ngày 21/12/2018; số:4656/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; số:4670/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 và các dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách năm 2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, phòng Kế hoạch - Tài chính, các tổ chức chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo sở;
- Các TCCM
- Trang TTĐT sở
- Lưu :VT, KHTC .

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trường Sơn

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Chương: 424

ĐÁNH GIÁ DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 472/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/12/2016 của Sở Lao động - TBXH tỉnh Quảng Bình)

(ĐVT: ngàn đồng)

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh (%)
			Năm 2018	Dự toán
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí		39.200	
1.2	Lệ phí		39.200	
1.2	Phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
-	Phí			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		39.200	
-	Lệ phí		39.200	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.344.075,5	19.618.460,4	71,75
1	Chi quản lý hành chính	7.816.000	7.414.949	94,87
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.049.000	6.049.000	100,00
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	159.000	159.000	100,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.608.000	1.206.949	75,06
2	Chi đảm bảo xã hội	3.893.400	3.889.384	99,90
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.291.000	2.291.000	100,00
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.602.400	1.598.384	99,749
3	Chi chương trình mục tiêu	9.540.236	7.995.447	83,81
3.1	Chi chương trình mục tiêu	6.469.236	5.681.506	87,82
-	Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em	910.000	722.926	79,44
-	Dự án phát triển hệ thống trợ giúp XH đối với các dt yếu thế	200.000	185.844	92,92
-	Dự án phát triển mục tiêu bình đẳng giới	259.070	259.070	100,00
-	Dự án phát triển HT dịch vụ hỗ trợ phòng chống ma túy, mại dâm	780.000	780.000	100,00
-	Dự án phát triển thị trường lao động việc làm	1.225.879	1.179.918	96,25
-	Tuyên truyền về công tác việc làm	40.000	40.000	100,00
-	Giám sát, đánh giá thực hiện chương trình việc làm	55.581	55.581	100,00
-	Dự án tăng cường an toàn VSLĐ	700.000	232.675	33,24
-	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo	1.800.000	1.743.197	96,84
-	Chương trình giảm nghèo	75.570	61.996	82,04
-	Truyền thông giảm về giảm nghèo (KP chuyển nguồn)	3.136	340	10,84
-	Sự nghiệp Đào tạo	420.000	419.961	99,99
3.2	Chi chương trình mục tiêu Quốc gia	3.071.000	2.313.940	75,35
-	KP CTMT xây dựng nông thôn mới (ĐTN)	800.000	799.630,2	99,95
-	KP CTMT hỗ trợ người nghèo, thiếu số làm việc có thời hạn ở nước ngoài	665.000		0,00
-	KP CTMT giảm nghèo	1.020.000	966.000	94,71
	KP Truyền thông về giảm nghèo	366.000	340.810	93,12
	KP Giám sát chương trình giảm nghèo	163.000	163.000	100,00
-	KP CTMT hỗ trợ người nghèo, thiếu số làm việc có thời hạn ở nước ngoài	57.000	44.500	78,07
4	Kinh phí thực hiện ưu đãi NCC	6.094.440	6.059.719	99
II	Các nguồn kinh phí khác	1.977.845	1.460.834	73,86
1	Chương trình vốn vay giải quyết việc làm	703.492	318.681	45,30
2	Kinh phí Đền ơn đáp nghĩa	1.274.353	1.142.153	89,63

24/12